

Bản án số: **15/2024/KDTM-ST**

Ngày: 30/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Ngọc Thúy

- Bà Lê Thị Nhớ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-KDTM ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P.** Địa chỉ: A N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: A T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm: 1978, CCCD: 049078001453 do Cục C về TTXH cấp - Địa chỉ: A T, phường B, quận H, Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/04/2024. Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần X.** Trụ sở: Số C Hải Phòng, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Số F T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện: Ông Bùi An H – chức vụ: Giám đốc. có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Bản khai trình bày:*

Ngày 14/8/2017, P do ông Nguyễn T làm chủ doanh nghiệp đã ký kết 02 Hợp đồng vận chuyển với Công ty cổ phần X (Công ty X). Hợp đồng số 1408/HĐKT/2017/AH-PH (“Hợp đồng 1408”), theo đó, Công ty X đồng ý thuê DNTN Phúc Hiếu vận chuyển bê tông nhựa nóng để phục vụ cho việc xây dựng thi công công trình. Tiếp tục, ngày 22/8/2017, giữa P và Công ty X lại tiếp tục ký kết Hợp đồng vận chuyển số 2208/HĐKT/2017/AH-PH (“Hợp đồng 2208”), cũng theo đó, Công ty X đồng ý thuê DNTN Phúc Hiếu vận chuyển đá.

Thực hiện theo nội dung các Hợp đồng đã ký kết, theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng 1408 và Điều 2 của Hợp đồng 2208, sau khi D thi công hoàn thành toàn bộ khối lượng theo yêu cầu của Công ty X thì P sẽ tiến hành gửi hồ sơ thanh toán (bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu khối lượng, Hóa đơn GTGT), Công ty X có trách nhiệm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hóa đơn. Mặc dù, P đã hoàn thiện hồ sơ thanh toán hợp lệ theo yêu cầu của hai hợp đồng, gửi đến Công ty X nhưng vẫn chưa được Công ty X thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ công nợ cho P. Theo Biên bản nghiệm thu khối lượng và đối chiếu công nợ từ Hợp đồng 1408 và Hợp đồng 2208, tổng số dư nợ gốc mà Công ty X còn nợ P là **280.241.040 đồng** (*Hai trăm tám mươi triệu, hai trăm bốn mươi một ngàn, không trăm bốn mươi đồng*).

Trong thời gian qua, với tinh thần thiện chí và mong muốn các bên giải quyết bằng thương lượng, P đã liên hệ và gửi nhiều công văn đến Công ty X để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán và đề xuất một cuộc làm việc trực tiếp giữa các bên liên quan để giải quyết vấn đề tranh chấp nhưng Công ty X không có thiện chí giải quyết vấn đề này.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, ông Nguyễn T - Chủ P khởi kiện yêu cầu Tòa buộc:

- Công ty cổ phần X phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc thực hiện hợp đồng kinh tế số 1408/HĐKT/2017/AH-PH và Hợp đồng kinh tế số 2208/HĐKT/2017/AH-PH là 280.241.040 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu, hai trăm bốn mươi một ngàn, không trăm bốn mươi đồng*);

- Thanh toán tiền lãi trên số nợ chậm trả tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/8/2024 với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng N1: 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP N2 9,6%/năm và Ngân hàng C1 là 14,25%/năm là 11,45%/năm. Như vậy, số tiền lãi Công ty cổ phần X phải thanh toán cho P là 53.450.028 đồng.

Tổng số tiền Công ty cổ phần X phải thanh toán cho P là 333.691.068 đồng.

*** Ông Bùi An H Giám đốc của Công ty cổ phần X có văn bản trình bày ý kiến:**

Ông thống nhất toàn bộ nội dung trình bày tại bản khai mới nhất của phía nguyên đơn ngày 28/8/2024 về công nợ liên quan giữa Công ty X và P. Công nợ của Công ty X phát sinh trên hai Hợp đồng vận chuyển số 1408/HĐKT/2017/AH-PH ngày 14/8/2017 và Hợp đồng vận chuyển số 2208/HĐKT/2017/AH-PH ngày 22/8/2017. Theo hai hợp đồng trên P vận chuyển bê tông nóng và đá theo yêu cầu của Công ty X và đã thực hiện xong, đã thực hiện nghiệm thu và đối chiếu công nợ còn lại của hai hợp đồng là 280.241.040 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu, hai trăm bốn mươi một ngàn, không trăm bốn mươi đồng*); Đối với yêu cầu tiền lãi theo đơn khởi kiện của P với mức lãi suất 16.5%/ năm tính từ ngày xuất hóa đơn thì tôi đề nghị xem lại tuy nhiên đến nay DNTN Phúc Hiếu có bản khai tính lãi tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử mức lãi suất 11.45%/năm theo mức lãi suất quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại là phù hợp nên Công ty X thống nhất tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ chậm trả tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/8/2024 là 53.450.028 đồng

Tổng số tiền Công ty X phải thanh toán cho P là 333.691.068 đồng. Tuy nhiên hiện nay Công ty X đang gặp khó khăn về tài chính vì vậy chưa thể trả dứt điểm một lần mà sẽ cố gắng trả trong thời gian sớm nhất cho P

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Bùi An H- chức vụ Giám đốc, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa tuy nhiên có bản khai gửi cho Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 275, 280 Bộ luật Dân sự; Điều 74, 85, 87, 306 Luậtmại.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P đối với Công ty cổ phần X về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*”.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P buộc Công ty cổ phần X phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân P số tiền công nợ còn lại là 280.241.040 đồng .

- Chấp nhận yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ chậm trả tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/8/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại là 11,45%/năm (Ngân hàng N1: 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP N2 9,6%/năm và Ngân hàng C1 là 14,25%/năm) thành tiền là 53.450.028 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân P tổng số tiền 333.691.068 đồng. Trong đó số tiền công nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ vận chuyển là 280.241.040 đồng và tiền lãi là 53.450.028 đồng.

- Về án phí phí: Công ty cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P (P) khởi kiện Công ty cổ phần X (Công ty X); Địa chỉ: Số C Hải Phòng, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*". Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn đối với bị đơn thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Bùi An H- chức vụ: giám đốc, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nhưng có bản khai xác nhận công nợ và xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P khởi kiện Công ty cổ phần X trả số tiền là 333.691.068 đồng. Trong đó, tiền công nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ vận chuyển là 280.281.040 đồng và tiền lãi 53.450.028 đồng thì thấy:

- Về công nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ vận chuyển: P do ông Nguyễn T làm chủ doanh nghiệp đã ký kết với Công ty cổ phần X 02 Hợp đồng vận chuyển. Hợp đồng số 1408/HĐKT/2017/AH-PH ngày 14/8/2017. Công ty X yêu cầu P vận

chuyên bê tông nhựa nóng để phục vụ cho việc xây dựng thi công công trình và Hợp đồng số 2208/HĐKT/2017/AH-PH ngày 22/8/2017 là vận chuyển đá.

Thực hiện theo nội dung các Hợp đồng đã ký kết nêu trên P đã thực hiện xong nghĩa vụ vận chuyển. P lập hồ sơ thanh toán thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu khối lượng, Hóa đơn GTGT theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng 1408 và Điều 2 của Hợp đồng 2208 gửi cho Công ty X nhưng cho đến nay phía Công ty X chưa trả dứt điểm tiền nợ. Tại Biên bản nghiệm thu khối lượng và đối chiếu công nợ, Công ty X đã xác nhận công nợ còn nợ DNTN Phúc Hiếu là 280.241.040 đồng. Xét việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái quy định pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. P đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng nhưng phía Công ty X chưa thanh toán công nợ và xác nhận công nợ hợp đồng còn tồn là 280.241.040 đồng do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T - Chủ P đối với Công ty X về tiền gốc là 280.241.040 đồng.

- Về tiền lãi: Theo hồ sơ khởi kiện ông Nguyễn T - Chủ DNTN Phúc Hiếu yêu cầu tính lãi kể từ ngày xuất hóa đơn tính đến ngày 16 tháng 05 năm 2024 với mức lãi suất 16,05 %/năm là 342.411.580 đồng. Sau đó, P có văn bản thay đổi và đề nghị tính lãi chậm thanh toán trên số nợ chậm trả tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/8/2024 với mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại là 11,45%/năm (Ngân hàng N1: 10,5%; Ngân hàng TMCP N2 9,6% và Ngân hàng C1 là 14,25%/năm). Số tiền lãi là 53.450.028 đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của P hoàn toàn phù hợp với mức lãi suất do Tòa án thu thập tại Ngân hàng N1: 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP N2 9,6%/năm và Ngân hàng C1 là 14,25%/năm. Mức lãi suất quá hạn của ba N thương mại là 11,45%/năm phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận.

- Xét Công ty X có văn bản xác nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ đối với P là 333.691.068 đồng. Trong đó tiền công nợ phát sinh từ hợp đồng vận chuyển là 280.281.040 đồng và tiền lãi 53.450.028 đồng nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T - Chủ DNTN Phúc Hiếu đối với Công ty cổ phần X. Buộc Công ty cổ phần X AH trả cho ông Nguyễn T - chủ Doanh nghiệp tư nhân P tổng số tiền 333.691.068 đồng. Trong đó tiền công nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ vận chuyển là 280.281.040 đồng và tiền lãi 53.450.028 đồng.

[3] Về án phí:

- Công ty cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều Điều 275, 280, Bộ luật Dân sự; Điều 74, 85, 87, 306 Luật mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*” của ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P đối với Công ty cổ phần X về tiền công nợ hợp đồng và tiền lãi phát sinh;

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần X trả cho ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P tổng số tiền 333.691.068 đồng (*ba trăm, ba mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng*). Trong đó tiền công nợ phát sinh từ hợp đồng vận chuyển là 280.281.040 đồng và tiền lãi 53.450.028 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Công ty cổ phần X phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 16.684.553 đồng (*mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng*)

- Hoàn trả cho Ông Nguyễn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.191.806 đồng (*mười bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng*) tại biên lai thu số 0001024 ngày 29/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân